TÒA ÁN NDÂN HUYỆN P **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST
Ngày 04 - 7 - 2022
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NDANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NDÂN HUYỆN P - TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh T;
Các Hội thẩm Ndân:
1. Bà Nguyễn Thị M,
2. Bà Thân Thị Q.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Q - Thư ký Toà án Ndân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát Ndân huyện P tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích T - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Toà án Ndân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2021 về: Tranh chấp về thừa kế tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Cụ Triệu Thị N - Sinh năm 1933;
Địa chỉ: Xóm D 2 (Nay là xóm D), xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Lê Văn D - Sinh năm 1959; Địa chỉ: Xóm D 2 (Nay là xóm D), xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 12/7/2021).

2. Bị đơn: Anh Lê Tuấn K - Sinh năm 1997;
Địa chỉ: Xóm D 2 (Nay là xóm D), xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
3.1.Bà Lê Thị O, sinh năm 1957;
Địa chỉ: TDP D, phường B, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.
3.2.Ông Lê Văn D, sinh năm 1959;
Địa chỉ: Xóm D 2 (Nay là xóm D), xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên
3.3.Ông Lê Duy C, sinh năm 1961;
Địa chỉ: Số nhà 612, dãy C13, tổ 11, thị trấn D, huyện D, Hà Nội.
3.4.Bà Lê Thị B, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Xóm K, xã T, P, tỉnh Thái Nguyên

3.5.Ông Lê Văn T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Xóm D 2 (Nay là xóm D), xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

3.6. Bà Lê Thị V, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Xóm N, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- *Người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn D - Sinh năm 1959; Địa chỉ: Xóm D, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Theo các Văn bản ủy quyền ngày 29/10/2021 và ngày 28/10/2021).

(Ông D có mặt, anh K vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cụ Triệu Thị N cùng chồng là cụ Lê Xuân N(Cụ N sinh năm 1933, chết ngày 21/11/2001) kết hôn và sinh D 07 người con ruột gồm: Lê Thị O, Lê Văn D, Lê Duy C, Lê Thị B, Lê Văn T, Lê Văn D (Ông D chết ngày 24/7/2003), Lê Thị V. Ngoài 07 người còn chung nêu trên, cụ Nvà cụ Nkhông có con nuôi, con riêng nào khác.

Quá trình chung sống khoảng năm 1970 cụ Nvà cụ Nco khai phá D 01 thửa đất tại xóm D 2, nay là Xóm D, xã T, vợ chồng cụ Ncanh tác, sử dụng thửa đất này đến năm 1993 thì D UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là thửa số 688, tờ bản đồ 27 - Diện tích 1620m2 tờ bản đồ địa chính xã T, mang tên hộ ông bà Lê Xuân N(*Trong đó 400m2 là đất thổ cư, 320 m2 là đất ao hồ, 900m2 là đất vườn*). Năm 2001 cụ N chết (Cụ N không để lại di chúc gì về tài sản), cụ N vẫn ở lại ở và sử dụng thửa đất đó. Ngày 22/9/2003, UBND huyện P đã chuyển và cấp quyền sử dụng thửa đất nêu trên từ hộ ông Lê Xuân N sang cho hộ ông Lê Văn D; trong khi đó cụ N và các anh chị em (con bà N, ông N) không biết việc này.

Sau đó ông D đã khởi kiện vụ án Hành chính, yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Văn D đối với thửa đất 688, DT 1620m2 tờ bản đồ 27 bản đồ địa chính xã T; Tòa án các cấp có thẩm quyền đã quyết định: Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Văn D đối với thửa đất 688, diện tích 1620m2 tờ bản đồ 27 bản đồ địa chính xã T; huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Sau đó, gia đình cụ Nđã họp để thống nhất phương án phân chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng thửa đất nêu trên; trong đó 06 anh em (con bà N, ông N) đều thống nhất từ chối nhận phần di sản thừa kế của mình đối với tài sản là

quyền sử dụng thửa đất 688 … theo quy định và nhường quyền sử dụng của mình cho cụ N. Nhưng do anh Lê Tuấn K là con ông Lê Văn D không nhất trí tham dự họp và có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đối với thửa đất trên, do đó thửa đất này không làm thủ tục sang tên cho bà ND. Nay bà N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 688, diện tích 1620m2, tờ bản đồ số 27 (*Nay là thửa số 157, tờ bản đồ số 91*) bản đồ địa chính xã T theo quy định pháp luật, ngoài ra, không yêu cầu chia di sản thừa kế tài sản nào khác của ông N.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Tuấn K trình bày:

Anh Khanh là con đẻ của ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Hường và là cháu nội của cụ Nvà cụ N. Năm 2002, sau khi cụ Nchết, cụ Nđã họp gia đình và thống nhất tặng cho ông D quyền sử dụng thửa đất số 688, tờ bản đồ số 27 bản đồ địa chính xã T. Sau đó anh Khanh D biết cụ Nvà ông D đã đi làm thủ tục sang tên đối với thửa đất nêu trên cho ông D.

Năm 2018, do có tranh chấp quyền sử dụng đối với thửa đất trên và căn cứ Quyết định của cơ quan có thẩm quyền, nên UBND huyện P đã hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lê Văn D đối với thửa đất số 688, tờ bản đồ số 27, diện tích 1620m2.

Nay cụ Nkhởi kiện chia di sản thừa kế đối với thửa đất nêu trên, anh đề nghị cụ Nchia cho anh ½ điện tích thửa đất trên mà trước đây cụ Nđã hứa tặng cho ông Lê Văn D.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị O, ông Lê Văn D, ông Lê Duy C, ông Lê Văn T, bà Lê Thị V đều thống nhất trình bày:

Về quan hệ gia đình, các thành viên trong gia đình, thời điểm ông Lê Xuân N, ông Lê Văn D chết, tài sản ông Nđể lại như nguyên đơn cụ Triệu Thị N và người đại diện hợp pháp của cụ Ntrình bày như trên là đúng. Nay cụ Nkhởi kiện chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 688, tờ bản đồ số 27 (*Nay là thửa số 157, tờ bản đồ số 91*), nay do gia đình các ông, bà không có nhu cầu sử dụng nên đối với toàn bộ kỷ phần thừa kế mà các ông, bà D hưởng các ông, bà tự nguyện tặng cho lại cụ Triệu Thị N quản lý, sử dụng để làm nơi thờ cúng tổ tiên, không yêu cầu cụ Nphải thanh toán bất cứ khoản tiền nào.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B trình bày: Bà nhất trí các ý kiến trình bày trên của cụ Nvà người đại diện hợp pháp của cụ Nvà những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trình bày nêu trên về quan hệ gia đình gia đình, các thành viên trong gia đình, thời điểm ông Lê Xuân Nhân, ông Lê Văn D chết, tài sản ông Nđể lại. Khoảng năm 2013, do hoàn cảnh gia đình nên bà về chung sống với cụ Ntrên thửa đất 688 trên. Sau đó D sự nhất trí của cụ Nvà anh chị em trong gia đình bà Bích đã xây một ngôi nhà cấp 4 diện tích khoảng 70m2 trên thửa đất 688 và ở cho đến nay. Nay cụ Nkhởi kiện yêu cầu chia di sản

thừa kế là quyền sử dụng đất đối với thửa đất 688, bà B cũng xin từ chối nhận phần di sản thừa kế của mình và tự nguyện tặng cho cụ Triệu Thị N quản lý, sử dụng để làm nơi thờ cúng tổ tiên. Về tài sản trên đất là ngôi nhà cấp 4 mà bà B đã xây dựng trên thửa đất 688, bà cũng xin tặng cho cụ Nquản lý, sử dụng, bà B cũng không yêu cầu bà Nphải thanh toán, bồi thường bất cứ khoản tiền nào.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập nhưng anh K không đến Tòa án để tham gia phiên họp họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn D cũng có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy vụ án D đưa ra xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Lê Văn D vẫn giữ nguyên quan điểm của mình như đã nêu trên, đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng thửa đất số 688, tờ bản đồ số 27 (*Nay là thửa số 157, tờ bản đồ số 91*), theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS, bị đơn anh Lê Tuấn K đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

- Về việc giải quyết vụ án*:* Áp dụng khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 157, 165, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 649, 650, 651, 652 của Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Triệu Thị N.

2. Giao cho cụ Triệu Thị N D quyền quản lý, sử dụng đối với toàn bộ thửa đất số 157, tờ bản đồ địa chính số 91 (Trước đây là thửa đất số 688, tờ bản đồ địa chính số 27, diện tích 1620m2), diện tích đo hiện trạng là 1564 m2, tại xóm D, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

3. Anh Lê Tuấn K không D hưởng quyền thừa kế thế vị theo quy định Điều 652 của BLDS.

4. Về án phí: Do cụ Nlà người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp án phí nên miễn nộp toàn bộ án phí cho bà Ninh, hoàn trả lại tạm ứng án phí cho cụ Ntheo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đề nghị "chia di sản thừa kế" là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 688, tờ bản đồ 27 (*Nay là thửa đất số 157, tờ bản đồ địa chính số 91*), bản đồ địa chính xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Tòa án Ndân huyện P giải quyết theo khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

- Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành tống đạt, đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng (Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập phiên tòa) cho anh Lê Tuấn K theo quy định của BLTTDS, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm anh K vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Lê Xuân Nchết năm 2001, căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thời hiệu khởi kiện vẫn còn, Tòa án đã thụ lý vụ kiện là phù hợp.

[2.2] Về di sản thừa kế: Nguồn gốc thửa đất số 688, tờ bản đồ 27 (*Nay là thửa đất số 157, tờ bản đồ địa chính số 91*), diện tích 1620m2, đo hiện trạng là 1564m2, tại xóm D, xã T, huyện P (Trong đó có 400m2 đất thổ cư và 1164 m2 đất vườn tạp); hiện nay cụ Triệu Thị N là vợ cụ Lê Xuân Nđang quản lý, sử dụng; thửa đất này chưa D nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung của cụ Nvà cụ Ninh. Cụ Nchết không để lại di chúc, do đó theo quy định tại Điều 33, 66 Luật Hôn Nvà gia đình thì ½ diện tích thửa đất nêu trên di sản của cụ Lê Xuân Nchưa D phân chia, còn lại ½ diện tích thửa đất nêu trên thuộc quyền sở hữu của cụ N(Tương ứng 782m2). Do cụ Nchết không để lại di chúc nên di sản thừa kế của cụ Nsẽ D chia theo pháp luật.

[2.3] Về diện và hàng thừa kế: Cụ Nvà cụ Ncó 07 người con gồm: Lê Thị O, Lê Văn D, Lê Duy C, Lê Thị B, Lê Văn T, Lê Văn D, Lê Thị V (trong đó ông Lê Văn D chết năm 2003), các cụ không có con riêng, con nuôi nào, nên cụ Nvà 06 người con là: Lê Thị O, Lê Văn D, Lê Duy C, Lê Thị B, Lê Văn T, Lê Thị V là hàng thừa kế thứ nhất và D chia tài sản thừa kế theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của BLDS.

[2.4] Xét yêu cầu của các đương sự: Do cụ Lê Xuân Nchết không để lại di chúc, di sản của cụ Ncó 1564 m2 : 2 = 782 m2, theo quy định tại khoản 2 Điều 651 BLDS D chia đều cho 07 suất thừa kế gồm cụ Nvà 06 người con hiện còn sống, mỗi suất D hưởng là 782 : 7 = **111,7** m2, riêng cụ ND chia 782 + 111,7 = **893,7** m2.

- Đối với phần di sản D chia cho các ông, bà: Lê Thị O, Lê Văn D, Lê Duy C, Lê Thị B, Lê Văn T, Lê Thị V, các đương sự đều tự nguyện tặng cho kỷ phần của mình cho cụ Triệu Thị N và không yêu cầu cụ Nthanh toán bằng tiền. Xét thấy việc tặng, cho này hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ nào khác nên cần ghi nhận sự tự nguyện này và giao cho cụ Nquản lý, sử dụng toàn bộ di sản của các ông, bà: Lê Thị O, Lê Văn D, Lê Duy C, Lê Thị B, Lê Văn T, Lê Thị V D hưởng và phần di sản, tài sản mà cụ ND hưởng và không phải thanh toán bằng tiền cho các hàng thừa kế này.

- Đối với yêu cầu của anh Lê Tuấn K là yêu cầu D cụ Nchia cho ½ diện tích thửa đất nêu trên, tuy nhiên di sản của cụ Nkhông để lại di chúc, hơn nữa ông Lê Văn D là bố để anh Khanh lại chết sau cụ Nhân, nên theo quy định tại điều 652 BLDS anh K không D thừa kế thế vị phần di sản của cụ Nđể lại. Quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm anh Khanh cũng không xuất trình D tài liệu, chứng cứ nào xác định việc cụ Ntặng cho anh và ông D quyền sử dụng ½ diện tích thửa đất nêu trên. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn (Ông Lê Văn D) cũng không nhất trí chia di sản của cụ Nđể lại cho anh K. Nên yêu cầu nêu trên của anh K là không có căn cứ chấp nhận.

- Trên thửa đất thửa đất số 688, tờ bản đồ 27 (*Nay là thửa đất số 157, tờ bản đồ địa chính số 91*) nêu trên, bà Lê Thị B có xây 01 căn nhà cấp 4 và công trình phụ có diện tích 67,3 m2. Nay bà Bích từ chối nhận phần di sản thừa kế của mình và tự nguyện tặng cho cụ Triệu Thị N quản lý, sử dụng để làm nơi thờ cúng tổ tiên. Đối với ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ đã xây dựng trên thửa đất 688, bà Bích cũng tự nguyện tặng cho cụ Nquản lý, sử dụng, bà Bích cũng không yêu cầu cụ Nphải thanh toán, bồi thường bất cứ khoản tiền nào. Xét thấy việc tặng, cho này hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ nào khác nên cần ghi nhận sự tự nguyện này và giao cho cụ Nquản lý, sử dụng ngôi nhà và công trình phụ xây trên đất nêu trên và cũng không phải thanh toán, bồi thường giá trị các tài sản này cho bà B.

[3]Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn đã nộp các khoản tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tạm ứng chi phí đo đạc bằng máy và tạm ứng chi phí định giá tài sản, tổng chi phí hết số tiền là 6.800.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin tự nguyện chịu toàn bộ chi phí, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: Cụ Triệu Thị N là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp toàn bộ án phí, do đó cần áp dụng Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn nộp án phí cho bà Nvà hoàn trả lại tạm ứng án phí cho bà Ntheo quy định.

[5]Xét quan điểm của đại diện VKS về việc giải quyết vụ án là có căn cứ phù hợp với các quy định của pháp luật cần chấp nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Áp dụng khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 157, 165, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 611, 613, 620, 623, 649, 650, 651, 652 và 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 33, 66 Luật Hôn Nvà gia đình năm 2014, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Triệu Thị N về tranh chấp chia di sản thừa kế.

- Xác nhận diện tích đất 1564m2 ở thửa đất số 688, tờ bản đồ 27 (*Nay là thửa đất số 157, tờ bản đồ địa chính số 91*); tại xóm D, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên là tài sản chung của cụ Lê Xuân Nvà cụ Triệu Thị N, trong đó ½ diện tích thửa đất **(782** m2) thuộc quyền sử dụng của cụ N, ½ diện tích thửa đất **(782** m2) là di sản thừa kế của cụ Lê Xuân N.

2. Chia cho cụ Triệu Thị N, bà Lê Thị O, ông Lê Văn D, ông Lê Duy C, bà Lê Thị B, ông Lê Văn T và bà Lê Thị V mỗi người D **111,7** m2.

3. Ghi nhận sự tự nguyện tặng cho của bà Lê Thị O, ông Lê Văn D, ông Lê Duy C, bà Lê Thị B, ông Lê Văn T và bà Lê Thị V đối với phần di sản cuả mỗi người D hưởng cho cụ Triệu Thị N.

4. Xác nhận cụ Triệu Thị N D quyền sử dụng thửa đất số 688, tờ bản đồ 27 (*Nay là thửa đất số 157, tờ bản đồ địa chính số 91*); diện tích đo hiện trạng là 1564m2, tại xóm D 2 (Nay là xóm D), xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, (*có sơ đồ kèm theo*).

- Giao cho cụ Triệu Thị N D quyền sở hữu ngôi nhà xây cấp 4 và công trình phụ (xây năm 2013), có tổng diện tích 67,3 m2 D xây dựng trên thửa đất số 688, tờ bản đồ 27 (*Nay là thửa đất số 157, tờ bản đồ địa chính số 91*).

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị B tặng cho cụ Triệu Thị N 01 ngôi nhà xây cấp 4 và công trình phụ, D xây dựng trên thửa đất số 688, tờ bản đồ 27 (*Nay là thửa đất số 157, tờ bản đồ địa chính số 91*).

Cụ Triệu Thị N có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

5. Về án phí: Miễn nộp án phí Dân sự sơ thẩm cho cụ Triệu Thị N theo quy định pháp luật.

- Cụ Triệu Thị N không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cụ Nsố tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002572 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

6. Thông báo quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn (Cụ N), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Bà Lê Thị O, ông Lê Văn D, ông Lê Duy C, bà Lê Thị B, ông Lê Văn T và bà Lê Thị V) biết D quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án.

- Bị đơn (Anh Lê Tuấn K) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận D bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án này D niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND, THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh T